

Số: 38/KH-SGTVT

An Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2018

KẾ HOẠCH

Đấu thầu lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Đề án tổ chức quản lý, khai thác VTHKCC bằng xe buýt nhỏ chất lượng cao hoạt động trong đô thị: TP. Long Xuyên; TP. Châu Đốc và xe buýt nhanh chất lượng cao hoạt động các tuyến trọng điểm trên địa bàn tỉnh An Giang.

Thực hiện Quyết định số 3759/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành quy định về đấu thầu lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh an giang.

Sở Giao thông vận tải xây dựng Kế hoạch Đấu thầu lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh An Giang với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Thực hiện Đề án tổ chức quản lý, khai thác VTHKCC bằng xe buýt nhỏ chất lượng cao hoạt động trong đô thị: TP. Long Xuyên; TP. Châu Đốc và xe buýt nhanh chất lượng cao hoạt động các tuyến trọng điểm trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Thực hiện Quyết định số 3759/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành quy định về đấu thầu lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh an giang.

3. Để phục vụ nhu cầu đi lại của hành khách trong nội đô thành phố Long Xuyên, Châu Đốc và vùng phụ cận thuận tiện, kịp thời, thông suốt. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong nội đô thành phố Long Xuyên và Châu Đốc. Tạo nếp sống văn minh đô thị.

II. NỘI DUNG

1. Gói thầu số 1 (Tuyến trong nội ô TP. Long Xuyên).

1.1. Tuyến số 1 (ĐT.01):

- Điểm đầu: Lộ tế Rạch Giá - Điểm cuối: gần Chợ khu đô thị Sao Mai và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 15 Km.

- Hành trình: Lộ tế Rạch Giá - QL. 91 – Đường Trần Hưng Đạo – Đường Nguyễn Trãi – Đường Nguyễn Huệ - Cầu Duy Tân – Đường Lê Triệu Kiết –

Đường Lý Thường Kiệt - QL 91 - Cầu Nguyễn Trung Trực – Đường Tôn Thất Thuyết – Đường Thái Phiên - Đường Hàm Nghi - gần Chợ khu đô thị Sao Mai và ngược lại.

- Bố trí điểm dừng: 20 điểm (khoảng cách theo quy định xe buýt nội ô)
- Thời gian hoạt động trong ngày: từ 04 giờ 50 đến 17 giờ 30.
- Tần suất chạy xe: 20 – 25 phút/chuyến.
- Phương tiện: Xe ô tô buýt có số chỗ ngồi từ 12 đến 29 chỗ; Có niên hạn sử dụng không quá 03 năm tính từ năm sản xuất (Sản xuất tối thiểu từ năm 2015 trở về sau).

1.2. Tuyến số 2 (ĐT.02):

- Điểm đầu: Lộ tẻ Rạch Giá - Điểm cuối: gần Chợ khu đô thị Sao Mai và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 13 Km.
- Hành trình: *Lộ tẻ Rạch giá - QL. 91 – Đường Phạm Cư Lượng – Đường Ung Văn Khiêm (Bệnh viên Đa Khoa AG) – Đường Hà Hoàng Hổ - Đường Nguyễn Hoàng - Cầu Tôn Đức Thắng – Đường Thành Thái – Đường Hàm Nghi – gần Chợ khu đô thị Sao Mai và ngược lại.*

- Bố trí điểm dừng: 18 điểm (khoảng cách theo quy định xe buýt nội ô)
- Thời gian hoạt động trong ngày: từ 04 giờ 50 đến 17 giờ 30.
- Tần suất chạy xe: 20 – 25 phút/chuyến.
- Phương tiện: Xe ô tô buýt có số chỗ ngồi từ 12 đến 29 chỗ; Có niên hạn sử dụng không quá 03 năm tính từ năm sản xuất (Sản xuất tối thiểu từ năm 2015 trở về sau).

2. Gói thầu số 2 (Tuyến nội ô TP. Châu Đốc).

Tuyến số 3 (ĐT.03):

- Điểm đầu: Bến xe khách Châu Đốc - Điểm cuối: Bãi đỗ xe Chùa Bà – Núi Sam.

- Cự ly tuyến: 08 Km.
- Hành trình: *Bến xe khách Châu Đốc – Đường Tôn Đức Thắng – Đường Lê Lợi – Đường Nguyễn Văn Thoại – Đường Tân Lộ Kiều Lương - Bãi đỗ xe Chùa Bà và ngược lại.*

- Bố trí điểm dừng: 12 điểm (khoảng cách theo quy định xe buýt nội ô)
- Thời gian hoạt động trong ngày: từ 04 giờ 50 đến 17 giờ 30.
- Tần suất chạy xe: 20 – 25 phút/chuyến.
- Phương tiện: Xe ô tô buýt có số chỗ ngồi từ 12 đến 29 chỗ; Có niên hạn sử dụng không quá 03 năm tính từ năm sản xuất (Sản xuất tối thiểu từ năm 2015 trở về sau).

3. Gói thầu số 3 (Tuyến xe buýt nhanh nội tỉnh).

Tuyên số 1 (N.01):

- Điểm đầu: gần Chợ khu đô thị Sao Mai - Điểm cuối: Bến xe khách Châu Đốc và ngược lại.

- Cự ly tuyến: 52 Km.

- Hành trình: gần Chợ khu đô thị Sao Mai (bến xe khách loại 5) Đ. Hàm Nghi - Quốc lộ 91 - Bến xe khách Châu Đốc và ngược lại.

- Bố trí điểm dừng: 25 điểm (khoảng cách tương ứng theo quy định đối với điểm dừng xe khách).

- Thời gian hoạt động trong ngày: từ 04 giờ 50 đến 17 giờ 30.

- Tần suất chạy xe: 30- 45 phút/chuyến.

- Phương tiện: Xe ô tô buýt có số chỗ ngồi từ 12 đến 29 chỗ; Có niên hạn sử dụng không quá 03 năm tính từ năm sản xuất (Sản xuất tối thiểu từ năm 2015 trở về sau).

4. Thời gian, địa điểm bắt đầu tiếp nhận Hồ sơ dự thầu

Từ ngày 03/02/2018 tại Bộ phận một cửa, Sở Giao thông vận tải An Giang; Địa chỉ: số 01 đường Lý Thường Kiệt, phường Mỹ Bình TP. Long Xuyên, An Giang.

5. Thời gian hết hạn tiếp nhận Hồ sơ dự thầu: 16 giờ, ngày 03/4/2018.

6. Thời gian, địa điểm mở Hồ sơ dự thầu:

08 giờ, ngày 04/4/2018, tại phòng họp số 2, Sở Giao thông vận tải An Giang; Địa chỉ: số 01 đường Lý Thường Kiệt, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, An Giang.

7. Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và điều kiện kinh doanh theo Phụ lục 1 và Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 3759/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành quy định về đấu thầu lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh an giang.

8. Chuẩn bị, nộp, sửa đổi, tiếp nhận, quản lý Hồ sơ.

a) Đơn vị đăng ký tham gia dự thầu chuẩn bị, nộp, sửa đổi, Hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định sau:

- Chuẩn bị Hồ sơ dự thầu theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định số 3759/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh An Giang như sau:

- Nộp trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện tới Sở Giao thông vận tải, nhưng phải đảm bảo Sở Giao thông vận tải nhận được Hồ sơ dự thầu trước khi hết hạn nộp Hồ sơ;

- Trường hợp Hồ sơ của đơn vị đăng ký tham gia dự thầu được gửi đến Sở Giao thông vận tải sau khi hết hạn nộp Hồ sơ thì được coi là không hợp lệ và không được tham gia dự thầu;

- Trường hợp đơn vị đăng ký tham gia dự thầu muốn sửa đổi hoặc nhận lại Hồ sơ không tham gia phải được thực hiện trước khi hết hạn nộp Hồ sơ và bằng văn bản gửi tới Sở Giao thông vận tải.

b) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và quản lý các Hồ sơ đã nộp theo chế độ quản lý Hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn đơn vị khai thác; trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong Hồ sơ của đơn vị tham gia dự thầu cho các cá nhân, tổ chức khác, trừ các thông tin được công khai khi mở Hồ sơ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở.

Công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải, Cổng Thông tin điện tử tỉnh An Giang và thông báo trên Đài Phát thanh – Truyền hình An Giang Kế hoạch lựa chọn này trong 03 ngày liên tiếp.

2. Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái.

a) Tổ chức lựa chọn đơn vị tham gia dự thầu:

Theo quy định tại Quyết định số 3759/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh An Giang.

b) Thành lập Tổ chuyên gia đánh giá để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đánh giá Hồ sơ dự thầu;
- Xếp thứ tự đơn vị tham gia dự thầu;
- Trình duyệt kết quả lựa chọn.

3. Thanh tra Sở:

Phối hợp cùng Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái có trách nhiệm kịp thời báo cáo Lãnh đạo Sở xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban GD Sở;
- Các DN,HTX vận tải;
- Phòng QLVTPTNL (thực hiện);
- Thanh tra Sở (thực hiện);
- Cổng T.tin Sở, Đài PT&TH tỉnh;
- Lưu: VT, QLVTPTNL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Vệ

PHỤ LỤC 4

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3759/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

**HỒ SƠ THAM GIA LỰA CHỌN KHAI THÁC
TUYỂN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT**

Tuyển vận tải: _____ *(ghi tên tuyển vận tải)*

Giờ mở tuyến: _____

Giờ đóng tuyến: _____

Tần suất chạy xe: _____

Điểm đầu tuyến: _____

Cơ quan tổ chức lựa chọn: _____ *(ghi tên Sở GTVT tổ chức)*

....., ngày tháng năm

**Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng
ký lựa chọn**
*(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu)*

Tên đơn vị ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngàytháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ LỰA CHỌN

Kính gửi: _____[Ghi tên Sở GTVT tổ chức lựa chọn]

(sau đây gọi là cơ quan tổ chức lựa chọn)

Sau khi nghiên cứu và khảo sát sơ bộ tuyến(2)...., đơn vị:(Ghi tên đơn vị đăng ký lựa chọn), đăng ký khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, như sau:

- Tên tuyến: ...(điểm đầu)... đến ... (điểm cuối)....., và ngược lại.
- Cự ly vận chuyển:km.
- Hành trình chạy xe: ... (ghi theo tên đường xe hoạt động từ điểm đầu đến điểm cuối và ngược lại).
- Giờ mở tuyến: giờ....phút; Giờ đóng tuyến: giờ... phút.
- Giãn cách giữa các chuyến xe:... phút (không quá 30 phút đối với tuyến nội tỉnh và 45 phút đối với tuyến liên tỉnh).
- Thời gian hoạt động trong ngày: ... giờ (nhưng không dưới 12 giờ/ngày).
- Tổng số xe đăng ký:xe.
- Loại xe: ...(nhãn hiệu)...., ...(năm sản xuất), ...(chỗ ngồi, chỗ đứng)...(màu sơn)...

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ đăng ký lựa chọn này với tư cách là đơn vị đăng ký lựa chọn chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh vận tải.

4. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ đăng ký lựa chọn là trung thực và không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông đồng khi tham dự lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt này.

5. Thực hiện đúng các đề xuất và cam kết về kỹ thuật, phương án tổ chức đưa ra trong Hồ sơ đăng ký lựa chọn trong suốt quá trình khai thác tuyến./.

Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký lựa chọn
(1)

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

*** Ghi chú:**

(1) Đơn vị tham gia lựa chọn lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của cơ quan tổ chức lựa chọn, đơn vị đăng ký lựa chọn, được đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký lựa chọn ký tên, đóng dấu.

(2) Ghi đúng tên điểm đầu, điểm cuối theo kế hoạch lựa chọn được cơ quan quản lý công bố.

Tên đơn vị ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngàytháng.....năm.....

PHƯƠNG ÁN
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE
BUÝT

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến:.....đi.....và ngược lại.

Điểm đầu:.....

Điểm cuối:.....

Cự ly vận chuyển:..... km.

Hành trình:.....

2. Biểu đồ chạy xe:

Giờ mở tuyến: Lúc.....giờ.

Giờ đóng tuyến: Lúc.....giờ.

Tần suất chạy xe:phút/chuyến.

Tốc độ lữ hành:km/h.

Tổng thời gian thực hiện hành trình:phút.

(Gửi kèm biểu đồ vận hành)

3. Số lượng, chủng loại của xe khai thác trên tuyến:

Tổng số xe:chiếc. Trong đó: Số lượng xe hoạt động chính thức:.....
chiếc, số lượng xe dự phòng:chiếc.

Sức chứa:chỗ ngồi,chỗ đứng.

Số cửa cho hành khách lên, xuống xe:cửa.

Nhãn hiệu:

Năm sản xuất:.....

Nước sản xuất:.....

Màu sơn:.....

4. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ, nhân viên bán vé trên xe:

Tổng số lái xe:người; Thâm niên lái xe trung bình:năm.

Thời gian làm việc của lái xe/ngày:giờ.

Số lượng lái xe, nhân viên phục vụ, nhân viên bán vé/1 xe:.....

5. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

- a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.
 - b) Giá vé chặng:
 - Chặng 1 (từ.....đến.....):..... đồng/HK.
 - Chặng 2 (từ.....đến.....):..... đồng/HK.
 - Chặng.....
 - c) Giá vé dành cho học sinh, sinh viên:.....
 - d) Giá vé dành cho người có công, người cao tuổi, người khuyết tật:.....
2. Giá cước hành lý:
- a) Hành lý được miễn cước:kg.
 - b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:đ/kg.
3. Hình thức bán vé:
- a) Bán vé trực tiếp trên xe:.....
 - b) Bán vé tháng:.....
 - c) Bán vé qua mạng:.....

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của đơn vị
(Ghi rõ tên, ký tên và đóng dấu)

BẢNG KÊ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH HIỆN CÓ

Tổng số lượng phương tiện vận tải hành khách của đơn vị:xe.

STT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Sức chứa (hoặc số ghế) của xe	Lắp đặt TBGSHT		Ghi chú
					Có	Chưa	
1							
2							
3							
...							
...							

Ghi chú:

Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo:

- Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô;
- Giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng hợp pháp (nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị);
- Tên và tài khoản truy cập dữ liệu thiết bị GSHT của xe./.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của đơn vị
(Ghi rõ tên, ký tên và đóng dấu)

BẢNG ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ HOẶC HUY ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN KHAI THÁC TUYẾN ĐĂNG KÝ LỰA CHỌN

1. Số lượng phương tiện:..... xe.

2. Loại xe đăng ký:

STT	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (chỗ đứng + chỗ ngồi)	Màu sơn	Các trang thiết bị			
					Điều hòa nhiệt độ	Wifi	Công cụ hỗ trợ người khuyết tật	Dụng cụ che nắng

3. Thời gian sử dụng bình quân của các phương tiện:năm.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của đơn vị
(Ghi rõ tên, ký tên và đóng dấu)

NĂNG LỰC BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN

TT	Nội dung	Trực tiếp của đơn vị	Đơn vị thuê đơn vị khác thực hiện dịch vụ bảo dưỡng	Đơn vị giao cho lái xe, chủ xe tự bảo dưỡng	Ghi chú
1	Năng lực bảo dưỡng phương tiện				

*** Ghi chú:**

- Đối với đơn vị trực tiếp bảo dưỡng phương tiện cần kê khai chi tiết quy mô nhà xưởng, các loại trang thiết bị phục vụ công tác bảo dưỡng kèm theo tài liệu chứng minh.
- Đối với trường hợp thuê đơn vị khác thực hiện dịch vụ bảo dưỡng: Đơn vị cung cấp hợp đồng thuê bảo dưỡng kèm theo.
- Đối với trường hợp đơn vị giao cho lái xe tự bảo dưỡng: Đơn vị cung cấp biên bản giao hoặc các tài liệu chứng minh khác kèm theo.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của đơn vị
(Ghi rõ tên, ký tên và đóng dấu)

Tên đơn vị ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

..... ngàytháng.....năm.....

KẾ HOẠCH BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG

I. Tổ chức đảm bảo an toàn giao thông của đơn vị vận tải

1. Cơ cấu tổ chức: Mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
2. Người phụ trách bộ phận an toàn: Họ tên, trình độ, chuyên ngành.
3. Tổ chức bộ phận theo dõi an toàn giao thông của đơn vị vận tải.
4. Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
5. Công tác tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, khám sức khỏe cho lái xe.

II. Kế hoạch tổ chức vận tải an toàn

Đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt:

- Kế hoạch đảm bảo an toàn phương tiện: Tổng số phương tiện, số xe vận doanh bình quân, kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa phương tiện, nội dung kiểm tra kỹ thuật an toàn phương tiện trước khi đưa xe ra hoạt động hàng ngày (bao gồm kiểm tra trạng thái hoạt động của thiết bị giám sát hành trình xe).

- Lịch trình vận tải cho các chuyến xe trong một chu kỳ vận tải (một vòng xe chạy, bao gồm thời gian dừng đón, trả khách và thời gian dừng nghỉ bắt buộc) trên các tuyến đảm bảo không chạy quá tốc độ.

- Kế hoạch tổ chức lao động cho lái xe và nhân viên phục vụ: Tổng số lái xe có giấy phép, lái xe đúng quy định, số lái xe bình quân đủ điều kiện làm việc; số giờ lái xe làm việc trong ngày (24 giờ)/số giờ xe hoạt động trên tuyến trong ngày (24 giờ).

- Các nội dung đảm bảo an toàn giao thông khác.

III. Tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông

Kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và giáo dục đạo đức nghề nghiệp, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ.

IV. Kiểm tra, giám sát về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

1. Theo dõi, giám sát việc thực hiện quy định về trật tự, an toàn giao thông của lái xe thông qua thiết bị GSHT của xe ô tô:

- Xây dựng phương pháp và biểu mẫu thống kê số lần vi phạm theo các tiêu chí về hành trình, vận tốc, thời gian lái xe liên tục, dừng đỗ không đúng quy định;

- Thủ tục, phương tiện, cách thức cảnh báo cho lái xe trong khi đang điều khiển phương tiện;

- Biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả khi xảy ra tai nạn giao thông đối với phương tiện của đơn vị.

2. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm các quy định về trật tự, an toàn giao thông của lái xe và nhân viên phục vụ trên xe (nếu có)/.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ghi rõ tên, ký tên và đóng dấu)

QUY TRÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG

Bước	Nội dung	Tổ chức, cá nhân thực hiện	Thời điểm thực hiện
1	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp, phân tích các dữ liệu về hoạt động của từng phương tiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vận chuyển của lần gần nhất thông qua thiết bị GSHT (đối với các phương tiện lắp đặt thiết bị GSHT) và qua các biện pháp quản lý khác của đơn vị, từ đó đánh giá ưu, nhược điểm của lái xe trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất; - Tiếp nhận và xử lý các đề xuất, phản ánh của lái xe về các vấn đề liên quan đến ATGT. 	<p>Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT (đối với các đơn vị vận tải bắt buộc phải có) hoặc cán bộ được phân công theo dõi ATGT tại các đơn vị vận tải khác;</p> <p>(Sau đây gọi là: Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT).</p>	Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe.
	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp các yêu cầu vận chuyển của khách hàng, tìm hiểu và nắm bắt các điều kiện, đặc điểm về hàng hóa, hành khách, tuyến đường, thời tiết, thời gian vận chuyển...; - Bố trí xe và lái xe thực hiện nhiệm vụ vận chuyển (đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo đúng quy định). 	Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng).	Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe.
2	Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng) chuyển các thông tin tại bước 1 cho cán bộ được lãnh đạo phân công trực tiếp giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe.	Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng).	Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe.
3	<p>Giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra Giấy phép lái xe; Giấy chứng nhận kiểm định; đăng ký xe; Lệnh vận chuyển; - Giao cho lái xe các giấy tờ khác phải mang theo như: Hợp đồng vận tải, giấy vận tải...; - Thông báo cho lái xe những ưu, 	Cán bộ được lãnh đạo phân công và lái xe.	Trước khi thực hiện nhiệm vụ vận chuyển.

	<p>nhược điểm của lái xe trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho lái xe các yêu cầu vận chuyển của khách hàng, các điều kiện, đặc điểm về hàng hóa, hành khách, tuyến đường, thời tiết, thời gian vận chuyển...; - Kiểm tra nồng độ cồn đối với lái xe (nếu có thiết bị); - Ghi chép vào sổ giao nhiệm vụ cho lái xe (theo mẫu số 1), lái xe ký xác nhận. 		
4	<p>Kiểm tra tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận lái xe qua thiết bị GSHT (đối với xe có lắp đặt) và kiểm tra tình trạng sẵn sàng hoạt động của thiết bị GSHT; - Kiểm tra nước làm mát, dầu động cơ, bình điện, các dây curoa; - Kiểm tra hệ thống lái; - Kiểm tra các bánh xe (độ chặt của bu lông bánh xe, tình trạng và áp suất của lốp); - Khởi động phương tiện và kiểm tra hoạt động của gạt nước, còi và các loại đèn; - Kiểm tra hoạt động của hệ thống phanh (thắng); - Ghi chép kết quả kiểm tra vào biểu Kết quả kiểm tra an toàn kỹ thuật (theo Mẫu số 2), ký xác nhận và chuyển biểu mẫu cho cán bộ được lãnh đạo phân công. 	Lái xe được giao nhiệm vụ vận chuyển.	Sau khi được giao nhiệm vụ và trước khi cho xe khởi hành.
5	<p>Cán bộ thuộc bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT tiếp nhận biểu Kết quả kiểm tra an toàn kỹ thuật từ các lái xe và ký xác nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu tất cả các nội dung kiểm tra đều đạt yêu cầu, xe được phép thực hiện nhiệm vụ vận chuyển; - Nếu có nội dung không đảm bảo yêu cầu, thì tùy theo mức độ sẽ cho sửa chữa, khắc phục ngay hoặc dừng 	Cán bộ thuộc bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT (đối với các đơn vị có bộ phận ATGT) hoặc cán bộ được lãnh đạo phân công.	Trước khi xe khởi hành thực hiện nhiệm vụ vận chuyển.

	<p>xe đưa vào sửa chữa, đồng thời thông báo cho bộ phận điều độ bố trí xe khác thay thế;</p> <p>- Tập hợp, lưu trữ vào Hồ sơ theo dõi an toàn của từng phương tiện.</p>		
6	<p>- Theo dõi quá trình hoạt động của phương tiện khi thực hiện nhiệm vụ vận chuyển qua thiết bị GSHT, nhắc nhở lái xe khi phát hiện chạy quá tốc độ và các nguy cơ gây mất ATGT (áp dụng cho các phương tiện có lắp đặt thiết bị GSHT);</p> <p>- Thống kê các lỗi vi phạm về tốc độ xe chạy, báo cáo Lãnh đạo đơn vị xử lý;</p> <p>- Tổng hợp các sự cố mất an toàn giao thông trong quá trình xe hoạt động kinh doanh vận tải trên đường. Đưa ra phương án xử lý khi xảy ra các sự cố gây mất an toàn giao thông.</p>	Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT.	Khi xe đang hoạt động trên đường.
7	<p>- Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn giao thông trong quá trình điều khiển phương tiện vận chuyển hành khách và hàng hóa;</p> <p>- Báo cáo ngay thời gian, địa điểm và nguyên nhân khi xảy ra sự cố mất an toàn giao thông để đơn vị có biện pháp xử lý.</p>	Lái xe.	Khi xe đang hoạt động trên đường.
8	<p>- Thống kê số vụ, nguyên nhân, mức độ TNGT đã xảy ra của từng lái xe (nếu có);</p> <p>- Xây dựng và thực hiện phương án xử lý khi xảy ra sự cố gây mất an toàn giao thông trong quá trình kinh doanh vận tải;</p> <p>- Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm đối với các tai nạn giao thông xảy ra trong quá trình kinh doanh vận tải.</p>	Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT.	Theo tháng, quý, năm.
9	<p>- Thống kê quãng đường đã thực hiện được;</p> <p>- Trên cơ sở thống kê quãng đường xe đã thực hiện, căn cứ vào chế độ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện để thực hiện bảo dưỡng phương tiện</p>	Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT.	Sau khi kết thúc hành trình.

theo đúng kỳ cấp; - Thống kê và theo dõi kết quả bảo dưỡng, sửa chữa của từng phương tiện.		
-----------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của đơn vị
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

**Bảng đánh giá về năng lực và điều kiện kinh doanh
vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

TT	Nội dung đánh giá năng lực và điều kiện kinh doanh	Diễn giải (có hoặc không)	Tự đánh giá (đạt hoặc không đạt)
1	Điều kiện kinh doanh		
1.1	Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt		
2	Năng lực khai thác tuyến		
2.1	Phương án các tuyến đang khai thác		
2.2	Số lượng phương tiện vận tải hành khách đang hoạt động		
2.3	Số lượng phương tiện vận tải hành công cộng bằng xe buýt hiện có		
2.4	Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện		
2.5	Số lượng lái xe hiện có		
2.6	Số lượng nhân viên phục vụ trên xe hiện có		
2.7	Chất lượng dịch vụ		
2.8	Bảo đảm an toàn giao thông (ATGT)		

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của đơn vị
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Bảng tự kê khai đánh giá về mặt kỹ thuật

STT	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Tự đánh giá (Điểm đạt được)
I	Phương tiện vận chuyển cam kết đầu tư khai thác trên tuyến	40	
1	Niên hạn sử dụng bình quân của các xe đăng ký khai thác		
a	Xe mới 100%	25	
b	Xe mới nhưng qua cải tạo	20	
c	Xe qua 1 năm sử dụng thì trừ 1 điểm		
d	Xe sử dụng từ 15 năm đến hết niên hạn sử dụng	0	
2	Các trang bị khác trên xe	15	
a	Điều hòa nhiệt độ	6	
	- Có	6	
	- Không	0	
b	Wifi	2	
	- Có	2	
	- Không	0	
c	Công cụ hỗ trợ người khuyết tật	5	
	- Có	5	
	- Không	0	
d	Dụng cụ che nắng	2	
	- Có	2	
	- Không	0	
II	Năng lực bảo dưỡng phương tiện	10	
1	Trực tiếp của đơn vị	10	
2	Đơn vị thuê đơn vị khác thực hiện dịch vụ bảo dưỡng	5	
3	Đơn vị giao cho lái xe tự bảo dưỡng	0	
III	Lái xe cam kết bố trí điều khiển xe trên tuyến	20	
1	Số năm thâm niên bình quân	15	
a	Nhỏ hơn 03 năm	3	

b	Từ 03 năm đến 10 năm	10	
c	Trên 10 năm	15	
2	Tập huấn cho lái xe	5	
a	Tất cả các lái xe thuộc đơn vị đều có chứng chỉ tập huấn còn thời hạn	5	
b	Lái xe thuộc đơn vị không có chứng chỉ tập huấn hoặc có nhưng hết thời hạn.	0	
IV	Chất lượng dịch vụ vận tải	10	
1	Đón trả khách	5	
a	Có cam kết bằng văn bản về đón, trả khách đúng trạm dừng, nhà chờ	2	
b	Có cam kết bằng văn bản về hoạt động đúng theo tần suất chạy xe đã đăng ký	1	
c	Có cam kết bằng văn bản về thực hiện theo đúng biểu đồ hoạt động trên tuyến khi được phê duyệt hoặc khi có yêu cầu điều chỉnh của cơ quan có chức năng	2	
2	Quyền lợi của hành khách	5	
a	Cam kết thực hiện đầy đủ các quyền lợi của hành khách theo quy định	2	
b	Có xây dựng quy trình tiếp nhận, xử lý kịp thời các khiếu nại của hành khách	1	
c	Có cam kết phục vụ tốt người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai	2	
V	Giá vé	20	
1	Giá vé bình quân/1km	10	
a	Tương đương giá bình quân của các tuyến đang khai thác	1	
b	Thấp hơn giá vé bình quân đang khai thác từ 10 – 30% (thấp hơn mỗi 10% được cộng 3 điểm)	3-9	
c	Cao hơn giá vé bình quân đang khai	0	
2	Chính sách giảm giá vé	10	
	Giảm giá vé cho học sinh, người có công, người cao tuổi, người khuyết tật (mỗi mức giảm tương đương 10% được cộng 2 điểm)	2-10	
Tổng cộng		100	

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của đơn vị